

KẾ HOẠCH

TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NĂNG LỰC KHÁM CHỮA BỆNH RĂNG HÀM MẶT VÀ DỰ PHÒNG BỆNH RĂNG MIỆNG CỘNG ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2023-2030” (ĐỀ ÁN 5628) TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, Chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 4469/QĐ- BYT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 5628/QĐ-BYT ngày 09/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng hàm mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng giai đoạn 2022-2030”;

Thực hiện công văn số 4182/BYT- KCB ngày 04/8/2022 của Bộ Y tế về việc Thành lập Ban chỉ đạo Đề án 5628 địa phương.

Sở Y tế phối hợp với Sở Giáo dục & Đào tạo và các tổ chức chính trị xã hội xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng hàm mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng giai đoạn 2023-2030” (gọi tắt là Đề án 5628) tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

I. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng hàm mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng giai đoạn 2023-2030” (gọi tắt là Đề án 5628) của Bộ Y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nhằm củng cố, phát triển ngành răng hàm mặt tỉnh Trà Vinh từng bước hiện đại, hội nhập, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, dự phòng và sức khỏe răng miệng nhân dân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Kiện toàn, phát triển hệ thống Chăm sóc sức khỏe răng miệng (CSSKRM), gắn kết các cơ sở khám, chữa bệnh với nhà trường và các tổ chức xã hội.
2. Nâng cao hoạt động chăm sóc và dự phòng các bệnh răng miệng.

3. Triển khai thực hiện chuẩn hóa quy trình chuyên môn kỹ thuật răng hàm mặt.
4. Phát triển năng lực khám, chữa bệnh, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị các bệnh răng hàm mặt.
5. Áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin và xây dựng hệ thống quản lý thông tin quốc gia về sức khỏe răng miệng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

III. Các chỉ tiêu (Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Một số từ ngữ trong Kế hoạch triển khai Đề án này được hiểu như sau:

1. Bệnh răng miệng thường gặp: là các bệnh liên quan đến răng miệng, có tần suất mắc cao trong cộng đồng như sâu răng, viêm lợi, viêm quanh răng...
2. Sức khỏe răng miệng: là tình trạng lành mạnh của các cấu trúc giải phẫu trong khoang miệng, răng, hàm mặt để thực hiện tốt các chức năng, thẩm mỹ.

IV. Phạm vi triển khai

Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh Trà Vinh:

1. Phạm vi chuyên môn:

Trọng tâm tại Khoa Răng Hàm Mặt BVĐK tỉnh, các cơ sở khám, chữa bệnh đa khoa có khoa răng hàm mặt các tuyến, cơ sở khám, chữa bệnh răng hàm mặt ngoài công lập và các cơ sở đào tạo thực hành chuyên khoa.

2. Phạm vi cộng đồng:

Trọng tâm tại Sở Y tế, Sở Giáo dục - Đào tạo, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh, cơ sở đào tạo học sinh, sinh viên các cấp và chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội.

V. Thời gian triển khai

1. Giai đoạn 2023-2025:

Tham gia triển khai thực hiện các hoạt động Đề án 5628 của Bộ Y tế chủ trì chỉ đạo và Kế hoạch triển khai Đề án 5628 của Sở Y tế trình UBND tỉnh phê duyệt, ưu tiên kiện toàn hệ thống, từng bước áp dụng thực hiện chuẩn hóa các quy trình chuyên môn kỹ thuật, hệ thống quản lý và cơ sở dữ liệu, huy động sự tham gia và đầu tư của xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

2. Giai đoạn 2026-2030:

Sơ kết đánh giá việc triển khai Đề án, tiếp tục duy trì mặt tích cực và các kết quả tốt của Đề án giai đoạn 2023-2025, tiếp tục huy động sự tham gia và đầu tư của xã hội.

VI. Các nội dung hoạt động

A. Kiện toàn, phát triển hệ thống Chăm sóc sức khỏe Răng hàm mặt trên địa bàn tỉnh

1. Thành lập Ban triển khai Đề án 5628 cấp tỉnh

Tham mưu UBND tỉnh thành lập ban chỉ đạo triển khai Đề án cấp tỉnh.

Thành phần gồm: Sở Y tế, Sở Giáo dục - Đào tạo và các ban ngành của địa phương có liên quan, Bệnh viện Đa khoa Trà Vinh và Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh.

2. Mở rộng, phát triển hệ thống CSSKRM giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và ngoài công lập với nhà trường và các tổ chức xã hội

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt chủ động xây dựng mạng lưới hợp tác với nhà trường và các tổ chức xã hội để phối hợp truyền thông, khám sàng lọc, CSSKRM.

- Xây dựng mạng lưới chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn giữa cơ sở công lập và ngoài công lập trong điều trị răng hàm mặt.

B. Nâng cao hoạt động chăm sóc và dự phòng các bệnh răng miệng

1. Truyền thông, giáo dục sức khỏe cho người dân

- Thực hiện các chiến dịch truyền thông nhằm cung cấp kiến thức chăm sóc và phát hiện sớm các bệnh liên quan tới răng hàm mặt, đa dạng hóa các hình thức truyền thông và các kênh cung cấp thông tin.

- Xây dựng các tài liệu truyền thông liên quan tới CSSKRM.

- Chủ động phối hợp với các tổ chức, đơn vị có thực hiện truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng để lồng ghép nội dung CSSKRM trong các chương trình truyền thông.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ích lợi về chức năng, thẩm mỹ và chất lượng cuộc sống khi phát hiện và điều trị sớm ung thư miệng - hàm mặt.

- Truyền thông nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp và người dân về hiệu quả chăm sóc toàn diện dị tật vùng miệng - hàm mặt và lệch lạc răng - hàm.

- Tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc toàn diện khe hở môi vòm miệng ngay từ giai đoạn kết hôn, bà mẹ mang thai, sau khi sinh, phẫu thuật môi - vòm miệng, ngữ âm trị liệu, nắn chỉnh răng và các phương pháp phẫu thuật chỉnh hình xương.

- Tuyên truyền về các yếu tố nguy cơ lệch lạc răng trẻ em, các phương pháp dự phòng và điều trị lệch lạc răng từ sớm.

- Tuyên truyền giáo dục nha khoa cho người cao tuổi.

- Tuyên truyền giáo dục nha khoa cho trẻ em.

2. Khám sàng lọc và tư vấn chăm sóc

- Xây dựng quy trình khám sàng lọc các tổn thương sớm ung thư vùng miệng - hàm mặt và tư vấn chăm sóc.

- Tập huấn chuyên môn, hướng dẫn triển khai quy trình sàng lọc các tổn thương sớm ung thư vùng miệng - hàm mặt tại các tuyến cơ sở.

- Phối hợp và huy động sự tham gia của các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp để triển khai khám sàng lọc tại cộng đồng, phát hiện và điều trị sớm các tổn thương tiền ung thư và ung thư miệng - hàm mặt.

3. Duy trì, phát triển chương trình Nha học đường và CSSKRM trẻ em

- Xây dựng và triển khai các văn bản cam kết phối hợp giữa cơ sở y tế với các cơ sở giáo dục - đào tạo về việc duy trì và phát triển chương trình Nha học đường.
- Huy động sự tham gia và hỗ trợ của các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp cho chương trình Nha học đường.
- Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng nội dung chương trình Nha học đường phù hợp tình hình mới.
- Tổ chức triển khai một số nội dung của chương trình Nha học đường như:
 - + Tuyên truyền, ứng dụng bộ giáo cụ truyền thông trực quan cho đối tượng trẻ mầm non.
 - + Tập huấn cho cán bộ Nha học đường.
 - + Tiếp nhận, chuyển giao trang thiết bị cho các phòng Nha học đường tại trường học/trạm y tế do Đề án 5628 Bộ Y tế hỗ trợ.
 - + Tổng kết, đánh giá hiệu quả chương trình định kỳ.
 - + Gửi Thông báo tuyển sinh đào tạo cử nhân Điều dưỡng nha khoa của các Trường Đại học công lập đến cơ sở y tế, hoặc điều dưỡng nha khoa trên địa bàn tỉnh nhằm tăng nguồn nhân lực CSSKRM cộng đồng.
 - + Kết hợp triển khai thực hiện chuẩn chương trình đào tạo, vị trí việc làm và phạm vi hành nghề cho cử nhân điều dưỡng nha khoa theo hướng dẫn của Bộ Y tế cho cơ sở y tế đủ điều kiện.

4. Xây dựng và triển khai chương trình CSSKRM người cao tuổi

- Huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân xây dựng và triển khai chương trình CSSKRM người cao tuổi. Mục tiêu chính của chương trình là 60% người cao tuổi còn ít nhất 20 răng tự nhiên còn chức năng.
- Tổ chức triển khai một số nội dung chính của chương trình gồm:
 - + Truyền thông, giáo dục sức khỏe các bệnh răng miệng, cách tự chăm sóc các bệnh răng miệng;
 - + Truyền thông, giáo dục sức khỏe chế độ ăn phù hợp và các thói quen không có lợi cho sức khỏe răng miệng như đồ uống có ga, có cồn, hút thuốc, chất ngọt...
 - + Phân tích những lợi ích của khám răng miệng định kỳ, điều trị sớm các bệnh răng miệng;
 - + Phục hình, phục hồi những răng mất chức năng và những răng đã mất.

C. Áp dụng triển khai thực hiện chuẩn hoá các quy trình chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Áp dụng triển khai thực hiện một số các danh mục kỹ thuật, quy trình chuyên môn và tiêu chuẩn chất lượng chuyên ngành răng hàm mặt theo hướng dẫn của Bộ Y tế phù hợp với nhu cầu, điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị, phân tuyến

kỹ thuật chuyên môn ... của các cơ sở y tế có chuyên khoa Răng hàm mặt, tiếp cận với xu hướng tiên tiến của khu vực và của toàn quốc, gồm một số nội dung sau:

1. Triển khai thực hiện danh mục và định mức kinh tế kỹ thuật

- Triển khai thực hiện danh mục chẩn đoán theo mã ICD 10.
- Triển khai thực hiện một số danh mục các kỹ thuật răng hàm mặt theo phân tuyến khám chữa bệnh.
- Triển khai thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong răng hàm mặt.

2. Triển khai thực hiện các quy trình chuyên môn

- Triển khai thực hiện các quy trình kỹ thuật răng hàm mặt.
- Triển khai thực hiện phác đồ điều trị răng hàm mặt.
- Triển khai thực hiện quy trình chăm sóc răng hàm mặt.

3. Triển khai thực hiện tiêu chuẩn chất lượng điều trị răng hàm mặt

- Triển khai thực hiện tiêu chí chất lượng chuyên khoa răng hàm mặt bổ sung trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.
- Tham gia thí điểm tiêu chuẩn chất lượng đánh giá các kỹ thuật răng hàm mặt và thực hiện kiểm định lâm sàng cho một số kỹ thuật khi có yêu cầu và hướng dẫn của Bộ Y tế.

D. Phát triển năng lực khám, chữa bệnh, áp dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị các bệnh răng hàm mặt

1. Đào tạo, tập huấn, phát triển năng lực khám, chữa bệnh

- Tham gia khảo sát tình trạng chuyên môn, kỹ thuật các tuyến.
- Cử cán bộ tham gia tập huấn chuyên môn cho các tuyến về các kỹ thuật cao trong các lĩnh vực chuyên sâu: Vi phẫu, Phẫu thuật chỉnh hình xương, Phục hình hàm mặt, Phục hình răng, Cấy ghép nha khoa, Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, Điều trị Nội nha dưới kính hiển vi... theo chỉ đạo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bệnh viện Răng hàm mặt TW Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hợp tác mở rộng phát triển năng lực khám, chữa bệnh

Tăng cường hợp tác, học tập kinh nghiệm các bệnh viện tuyến trên áp dụng các kỹ thuật tiên tiến mới, phương pháp mới, vật liệu mới trong điều trị răng hàm mặt.

3. Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến

- Phân công bệnh viện tuyến trên phụ trách bệnh viện tuyến dưới theo từng địa bàn, khu vực.
- Chỉ đạo luân phiên cán bộ, cử bác sỹ tuyến trên về tuyến dưới tập huấn, đào tạo, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật.

4. Tăng cường khám, chữa bệnh từ xa

- Huy động các nguồn lực đầu tư các phương tiện công nghệ thông tin và trang thiết bị y tế phục vụ khám, chữa bệnh từ xa.

- Xây dựng mạng lưới bác sỹ tuyến trên - tuyến dưới tư vấn, hội chẩn khám, chữa bệnh từ xa.

- Thiết lập và duy trì giao ban, hội chẩn, khám, chữa bệnh từ xa định kỳ và đột xuất.

5. Đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất

Huy động các nguồn lực nhà nước, nước ngoài, doanh nghiệp, tư nhân... tiếp nhận đầu tư các trang thiết bị răng hàm mặt và nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở khám, chữa bệnh răng hàm mặt.

E. Áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin

1. Tham gia thu thập dữ liệu cung cấp thông tin cho Bộ Y tế xây dựng hệ thống quản lý thông tin quốc gia về sức khỏe răng miệng

- Triển khai thực hiện chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu trong thu thập, quản lý và sử dụng dữ liệu số hóa về sức khỏe răng miệng người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ở các lứa tuổi.

- Tham gia thu thập dữ liệu phục vụ công tác lưu trữ, quản lý và sử dụng dữ liệu số hóa về sức khỏe răng miệng.

- Áp dụng triển khai hệ thống phần mềm thu thập, lưu trữ, quản lý và phân tích dữ liệu cho các tuyến.

2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo

- Phân công và cử bác sỹ học tập kinh nghiệm toàn quốc, khu vực về áp dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt.

- Rà soát, tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ cho việc áp dụng trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý miệng - hàm mặt.

VII. Kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn đóng góp của các nhà tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương giao.

- Các bệnh viện huy động nguồn kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị, nguồn viện trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, nguồn hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai Kế hoạch.

- Nhà trường và các cơ sở Giáo dục - Đào tạo huy động nguồn kinh phí từ tổ chức, cá nhân, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai các chương trình Nha học đường.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng lực khám chữa bệnh răng hàm mặt và phòng

chống bệnh răng miệng tại cộng đồng giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Y tế.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan xây dựng các hoạt động và dự toán kinh phí cụ thể cho từng năm, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị khám chữa bệnh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm y tế các huyện, thị xã thành phố phối hợp với các ban, ngành địa phương triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch triển khai Đề án.

- Phân công cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp, tiếp nhận chỉ đạo tuyến của Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương TP. Hồ Chí Minh triển khai Đề án theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tổng hợp khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế để xem xét, giải quyết.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế, các đơn vị y tế trên địa bàn triển khai chương trình Nha học đường, các hoạt động khám, điều trị bệnh răng miệng cho học sinh.

- Làm đầu mối chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp các đơn vị y tế và các đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục về chăm sóc sức khỏe răng miệng tại các cơ sở giáo dục.

3. Hội Người cao tuổi tỉnh

Phối hợp với ngành Y tế tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe răng miệng, chăm sóc sức khỏe răng miệng cho đối tượng người cao tuổi tại địa phương, lồng ghép chăm sóc sức khỏe răng miệng người cao tuổi vào các hoạt động khác của Hội.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe răng miệng cho người dân trên địa bàn.

- Tuyên truyền nội dung thực hiện Kế hoạch Đề án “Nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng giai đoạn 2023-2030” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, là nhiệm vụ hết sức cần thiết, đòi hỏi sự tham gia không chỉ riêng ngành Y tế, Giáo dục, Chính quyền, các Sở, ban ngành mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội, góp phần mang lại sức khỏe răng miệng tốt hơn cho thế hệ tương lai.

5. Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành

6. Các Sở, ban ngành, đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội

Đề nghị Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch Đề án 5628 tỉnh Trà Vinh.

7. UBND huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo TTYT huyện, thị xã, thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng hàm mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng giai đoạn 2023-2030” (gọi tắt là Đề án 5628) tại huyện, thị xã, thành phố trình UBND huyện, thị xã, thành phố phê duyệt tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo TTYT huyện, thị xã, thành phố phối hợp ngành Giáo dục & Đào tạo, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố chủ động xây dựng mạng lưới chăm sóc sức khỏe răng miệng tại địa phương và phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật, ngành Giáo dục & Đào tạo, các đơn vị, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp... triển khai các hoạt động Đề án để giúp người dân được thụ hưởng dịch vụ CSSKRM ngay tại cơ sở và địa phương.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao kiến thức, thái độ, hành vi của người dân trong CSSKRM, từ đó sẽ nâng cao sức khỏe răng miệng cộng đồng, góp phần nâng cao sức khỏe và thể trạng của người dân Việt Nam. Đối với những người có nguy cơ hoặc mắc ung thư miệng hàm mặt sẽ được phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế các biến chứng, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đặc biệt, cần chú trọng thực hiện chủ trương của Đảng để không ai bị bỏ lại phía sau, trong đó quan tâm trẻ em mắc dị tật vùng hàm mặt, đặc biệt trẻ em ở các vùng sâu, vùng xa, hướng tới mọi người dân đều được quản lý và CSSKRM.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao năng lực khám chữa bệnh Răng hàm mặt và dự phòng bệnh Răng miệng cộng đồng giai đoạn 2023-2030” (gọi tắt là Đề án 5628) tỉnh Trà Vinh.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch Đề án 5628, nếu có vướng mắc đề nghị các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh Trà Vinh chỉ đạo xem xét, hỗ trợ giải quyết./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Khám, Chữa bệnh (báo cáo);
- Cục Y tế Dự phòng (báo cáo);
- Bệnh viện Răng Hàm Mặt TW TP HCM (báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Trà Vinh (phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể (phối hợp chỉ đạo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (phối hợp chỉ đạo);
- Ban Giám đốc Sở (chỉ đạo thực hiện);
- Các phòng ban chức năng tham mưu Sở (thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Sở (thực hiện);
- Các BVĐK tư nhân (thực hiện);
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Kiên Sóc Kha

PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH- SYT ngày / /2023 của Sở Y tế)

| STT | Chỉ tiêu thực hiện | Kết quả sau 05 năm |
|-----|--|--------------------|
| 1 | Tổng số hoạt động truyền thông răng hàm mặt được triển khai (Chương trình Nha học đường, CSSKRM người cao tuổi, chăm sóc và dự phòng bệnh răng miệng) | 01 |
| 2 | Học sinh được tuyên truyền giáo dục sức khỏe răng miệng | Đạt 100% |
| 3 | Tổng số trường học tham gia hoạt động CSSKRM | Đạt 100% |
| 4 | Tổng số trường học thực hiện kiểm tra sức khỏe răng miệng cho học sinh đầu năm học theo quy định. | Đạt 85% |
| 5 | Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên y tế trường học được tập huấn về chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe răng miệng học sinh trong trường học. | Đạt 95% |
| 6 | Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên y tế trường học được tập huấn để sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe răng miệng học sinh trong trường học | Đạt 95% |
| 7 | Tỷ lệ dân số được quản lý, theo dõi và CSSKRM | Đạt trên 90% |
| 8 | Tỷ lệ người dân khám răng miệng định kỳ | Đạt 10% |
| 9 | Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế nói chung và dịch vụ CSSKRM | Đạt trên 80% |
| 10 | Số chương trình phối hợp giữa cơ sở điều trị răng hàm mặt với nhà trường được triển khai | 01 |
| 11 | Tổng số bệnh viện đa khoa có chuyên khoa răng hàm mặt (công lập và ngoài công lập) | 100% |
| 12 | Tổng số điều dưỡng, kỹ thuật viên răng hàm mặt được đào tạo | 25% |
| 13 | Tổng số quy trình chuyên môn kỹ thuật răng hàm mặt được xây dựng và chuẩn hóa | 10% |

| | | |
|----|---|--------------|
| 14 | Tỷ lệ bệnh răng miệng ở trẻ em dưới 6 tuổi, 6-8 tuổi, 12 tuổi, 15 tuổi: | |
| | - Tỷ lệ sâu răng sữa ở trẻ dưới 6 tuổi | Dưới 60% |
| | -Tỷ lệ sâu răng sữa ở trẻ 6 -8 tuổi | Dưới 80% |
| | -Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn ở trẻ 12 tuổi | Dưới 35% |
| | -Tỷ lệ sâu răng vĩnh viễn ở trẻ 15 tuổi | Dưới 30% |
| | -Tỷ lệ viêm lợi ở trẻ em | Dưới 40% |
| 15 | Tỷ lệ bệnh răng miệng ở người trưởng thành theo các nhóm tuổi: | |
| | -Tỷ lệ sâu răng độ tuổi 18-34 | Dưới 63% |
| | -Tỷ lệ sâu răng độ tuổi 35-44 | Dưới 60% |
| | -Tỷ lệ sâu răng độ tuổi > 45 | Dưới 60% |
| 16 | Tỷ lệ răng người cao tuổi có ít nhất 20 răng còn chức năng (trên 60 tuổi) | Đạt 60% |
| 17 | Tỷ lệ người dân được khám và điều trị các bệnh răng miệng | 50% |
| 18 | Tham gia thu thập, lưu trữ, quản lý thông tin quốc gia về sức khỏe răng miệng người Việt Nam được xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Y tế | Đạt yêu cầu |
| 19 | Các kỹ thuật mới, phương pháp mới điều trị răng hàm mặt được áp dụng | Ít nhất 02 |
| 20 | Tỷ lệ trung bình Bác sỹ Răng Hàm Mặt so với dân số | 1/10.000 dân |
| 21 | Giảm mức tiêu thụ đường trên đầu người | 12 kg/ năm |